



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG MINH
Last Middle First

Current Address 16/6 Quốc Lộ 1 P.6 Thủ Đức An Lạc Bình Chánh

Date of Birth 01/17/1950 Place of Birth Ninh Bình

Previous Occupation (before 1975) Chief of Interior Security
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 00/18/75 To 02/13/88

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Le Quang Minh
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01 - Nguyễn Thị Rang	10/01/25	Mother
02 - Lê Thị Quang Vinh	08/12/62	Sister
03 - Lê Thị Quang Kim	05/09/66	—

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Ho Chi Minh City, Apr. 5.1988

To : The Director of the Orderly Departure Program
Dangjathum Building 9th Floor
127 Southern Telford.
Bangkok 10120 - THAILAND

Subject : Petition for Immigrant in the U.S.A
under the ODP and REFUGEE.

Dear Sir,

I, undersigned, MINH, LE - QUANG

Date/Place of birth : Apr. 15.1950 MINH BINH Province

Residence Address : 16/6 quoc lo 1, P.P.6, Thi Trấn An-Lạc,
Bình Chánh, Ho Chi Minh City.

Mailing Address :

Current occupation : NO

AUSTRALIA

A- BEFORE APR. 30.1975 :

1. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES (MACV)

- 1967 : Student of Translator/Interpreter courses in C.T.I
(Central Training Institute)
- 1968 : Translator/Interpreter VOS-5/Translation Room/VN NAVY
Headquarter # 3 BACH DANG
- 1969 : Translator/Interpreter VOS-5/Translation Room/Regional
Forces/Popular Forces/Inspection Department/Joint
General Staff
- 1972 : Translator/Interpreter VOS-5/Translation Room/ M.I.C,
TO-HIEN-THANH Street.

2. SERVICE WITH GVN .

- 1969-1972 : Student of National Institute of Administration
- 1973-1974 : Deputy District Chief of PHU TUC District/PHU BON
Province.
- 1974-1975 : Chief of Interior Security Service/PHU BON prov.

B- AFTER APR. 30.1975

Duration of re-education and through camps.

- June 1975 - Nov.1976 : LONG - THANH Camp. 15/NV
- Nov. 1976 - Apr.1982 : THANH-CAM Camp. 90A/TD63/ THANH-CAM/
THANH-HOA
- Apr.1982 - Feb.1988 : XUAN-LOC Camp Z30A (GIA-BAY/XUAN-LOC/
LONG-KHANH.

Released from XUAN-LOC camp Feb. 13.1988

Release - Certificate number 272/GRT

Based on the authority of your organization; and the spirit of the Humanitarian Act, and due to the difficulties of my situation and my family, I wish to ask for your assistance and intervention with VN authorities in order that I and my family would be authorized to leave VN under GIP and Refugee to immigrate in the U.S.A in the purpose of refugee and making a new life.

Your approval of my petition would be highly appreciated.

Respectfully Yours,

Minh

MINH, LE - QUANG

RECEIVED BY U.S. GOVERNMENT

NOV 1975

1. Name of applicant: MINH, LE-QUANG

2. Date:

1975

3. Address:

U.S.A.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Apr. 5. 1988

A. BASIC IDENTIFICATION DATA :

1. Name : MINH, LE - QUANG
2. Other name : NO
3. Date/Place of birth : Apr. 15.1950 Ninh Binh Province
4. Residence Address : 16/6 Quoc Lo 1, K.P.6, Thị Trấn An Lạc,
Bình Chánh, Ho Chi Minh City.
5. Mailing Address :

AUSTRALIA

6. Current Occupation : NO

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

I am now still single I would like to ask the permission for my mother and two younger sisters to accompany me.

NAME	DOB	POB	Sex	MS	Relationship
1. RANG, NGUYEN-THI	Oct.1.1925	Ninh Binh	F	W	Mother
2. VINH, LE-THI-QUANG	Aug.12.1962	Gia-Dinh	F	S	sister
3. KIM, LE-THI-QUANG	May.9.1966	Gia-Dinh	F	S	sister

C. RELATIVES OUTSIDE VN

- 1- Closest Relative in the U.S.A.
 - a- Name : PHUONG, VU-VAN
 - b- Relationship :
 - c- Address :
- 2- Closest relative in other foreign countries
 - a- Name : LOAN, HO-THI-MONG
 - b- Relationship :
 - c- Address :

D. COMPLETE FAMILY LISTING

- 1- Father : TINH, LE-QUANG (D)
- 2- Mother : RANG, NGUYEN-THI (L)
- 3- Spouse : NO
- 4- Children: NO
- 5- Siblings:
 1. VINH, LE-THI-QUANG (L)
 2. KIM, LE-THI-QUANG (L)

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES.

1. Name of employee : MINH, LE-QUANG
Agency : MACV
- Section/Division/Office : M.I.W.
Last position : Translator/Interpreter Last grade : VGS-5

Duration of employment : in the year of 1972

Place : M.I.C TO-HIEN-THANH Street. Name of supervisor : Lt. HANSEN

Reason for separation : for education.

- Section/Division/Office : Regional Forces/Popular Forces/Inspection Department

Previous position : Translator/Interpreter Previous grade : VGS-5

Duration of employment : in the year of 1969

Place Joint General Staff : Name of supervisor : I forgot

Reason for separation : for education

- Section/Division/Office : VN NAVY Headquarter

Previous position : Translator/Interpreter. Previous grade : VGS-5

Duration of employment : in the year of 1968

Place : VN Navy Headquarter # 3 BACH-DANG, Name of supervisor :

Capt. DUNCAN, Senior Advisor.

Reason for separation : for education.

F. SERVICE WITH GVN

1. Name of person serving : MINH, LE-QUANG

2. Date : from 1969 - to 1975

3. Last position : Chief of Interior Security Service/PHU-BON Province

4. Ministry/Office/Military Unit

1969-1972 : Student of National Institute of Administration (NIA)

1973-1974 : Deputy District Chief of PHU-TUC District/PHU-BON Prov.

1974-1975 : Chief in Interior Security Service/PHU-BON Province

5. Name of Supervisor

1969-1972 : Prof. BONG, NGUYEN-VAN, and Prof. TRI, NGUYEN-QUOC

1973-1974 : Maj. MAI, BUI-XUAN (SIU-BROAI, Mountainer), District Chief of PHU-TUC District/ PHU-BON Province.

1974-1975 : Lt. Col. BAO, LO-VAN, mountainer, PHU-BON Province Chief,

6. Reason for separation : for Political Event in Apr. 30. 1975

7. Name of American advisor : NO

8. U.S Training in VN : NO

9. U.S awards or Certificates : NO

G. TRAINING OUTSIDE VN : NO

H. RE-EDUCATION :

1. Name of person in re-education : MINH, LE-QUANG

2. Time in re-education : Jun 18. 1975 - Feb. 13. 1988 (twelve years and eight months)

3. Still in Re-education : NO

I. ADDITIONAL REMARKS

1. All my documents and certificates concerning to section E and F were all destroyed.

2. I did not remember exact dates, months of my service with GVN and employment by U.S Government Agencies. The name of the above mentioned American Supervisors may be wrong spelt.

Signature,

Date, Apr. 5. 1988

MINH, LE-QUANG

J. Attached documents

1. One photocopy of my Release-Certificate

2. One Photocopy of my Birth-Certificate.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QT.TG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

XUAN LOU

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 072 GRT

0	0	1	5	7	6	1	0	8	3	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 63/QĐ ngày 04 tháng 02 năm 1988

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ - QUANG - MINH Sinh năm 19 50

Các tên gọi khác

Nơi sinh Ninh bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

16/6 ấp 6 An lạc . Bìnhchánh . TP/ HO CHI MINH

Can tội Trường ty nội an

Bị bắt ngày 18-6-1975

Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 16/6 Quốc lộ 4. Ấp 6 an lạc. Bìnhchánh . TP/HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

- Trong cải tạo có nhiều cố gắng hoàn thành công việc giao nội quy chấp hành nghiêm .

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 23 tháng 02 năm 1988

Lấn tay ngón trỏ phải

Của

LÊ QUANG MINH

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Minh

LÊ quang Minh .

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

Giám thị

Thuan Lam

Thiếu tá : NGUYỄN THANH TÂM

XÁC NHẬN

Số y ban chấp

ĐẠI LƯU

CAI TH

TRẦN

ĐẠI LƯU

Quê nhà
Vĩnh nê ở xã Hùng diên
Thị trấn Hùng diên xã.

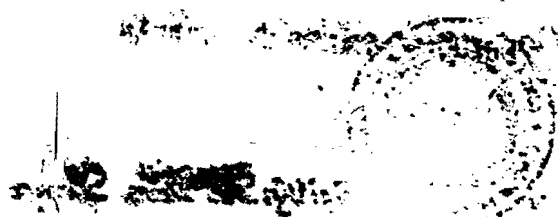


Nguyễn Văn Tươi

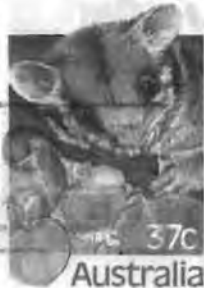
Đã được kiểm tra và xác định đúng như sau:

Đã được kiểm tra và xác định đúng như sau: (faint text)

Đã được kiểm tra và xác định đúng như sau: (faint text)



MAIL CENTRE
PRESTON
9 30PM
29 JUL
1988
VICTORIA
3072



TO: ASSOCIATION of VIETNAMESE Political Prisoners
FAMILY P.O. Box 5435
WASHINGTON, V.A. 22205-0635
U.S.A.

HO MONG LOAN

Sender's name and address

AUSTRALIA



E3

POST OFFICE
1987



Leadbeater's Possum (*Gymnobelideus leadbeateri*)
Victoria's Faunal emblem is Leadbeater's possum, presumed to be extinct until its rediscovery near Marysville in 1961. The small animals nest in colonies in Mountain Ash trees, some 10-30m above ground. A colony consists of as many as eight animals - one breeding pair and one or more generations of their offspring.

Designer: Marg Towt, Melbourne
Reference photograph: P.R. Brown/NPIAW



Australia Post





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes, No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG MINH
Last Middle First
- Current Address 16/6 QUOC LO 1, K.P 6, THI TRAM AN LAC, BINH CHANH, HO CHI MINH CITY
- Date of Birth 15 April 1950 Place of Birth NINH BINH, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) Chief of Interior Security Service / PHU BON province
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 1975 To Feb 1988
3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES of VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
Name
P.O. Box 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone ph: 703-560-0058
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| <u>PHUONG, VU VAN, 1</u> | <u>close friend</u> |
| <u>LOAN, HO THI MONG, 1</u> | <u>Cousin</u> |
| _____ | _____ |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 10th May 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE QUANG MINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
RANG, NGUYEN THI	1 st Oct, 1925	Mother
VINH, LE THI QUANG	12 th Aug. 1962	Sister
KIM, LE THI QUANG	9 th May 1966	Sister

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

16/6 Quoc Lo 1, K.P 6, THU TRAM AN LAC,
BINH CHANH, HO CHI MINH City, VIETNAM

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE QUANG MINH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : April 15 1950
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): Single Married (Co lap gia dinh): _____
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 16/6 Quoc Lo 1, K.P. 6, Thi Tran An Lac
(Dia chi tai Viet-Nam) BINH CHANH, HO CHI MINH City, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): June 1975 To (Den): Feb 1988

PLACE OF RE-EDUCATION: LONG THANH, THANH CAM THANH HOA, XUAN LOC LONG KHANH
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Chief of Interior Security Service / PHU BON Province

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): N.A.

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): N.A.

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chief of Interior Security Service Date (nam): 1974-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): No

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tie

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 16/6 Quoc Lo 1, K.P. 6,
Thi Tran An Loc, BINH CHANH, HO CHI MINH City, VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONER ASSOCIATION

P.O. Box 5435, ARLINGTON, VA 22205 - 0635 - 16 THI MONG WIA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): Yes No (Khong): _____
AUSTRALIAN CITIZEN

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Cousin

NAME & SIGNATURE: [Signature]

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 05 10 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE QUANG MINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
RANG, NGUYEN THI	1 st Oct 1925	Mother
VINH, LE THI QUANG	12 th Aug. 1962	Sister
KIM, LE THI QUANG	9 th May 1966	Sister

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

16/6 Quoc Lo 1, K.P. 6, THU TRAN AN LOC
BINH CHANH, HO CHI MINH City, VIETNAM

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes, No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG MINH
Last Middle First
- Current Address 16/6 Quoc Lo 1, K.P 6, THI TRAN AN LAC, BINH CHANH, HO CHI MINH CI
- Date of Birth 15 April 1950 Place of Birth NINH BINH, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) Chief of Interior Security Service / PHU BON province
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 1975 To Feb 1988
3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
Name
P.O. Box 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone ph: 703-560-0058
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>PHUONG, VU VAN</u>	<u>close friend</u>
<u>LOAN, HO THI MONG</u>	<u>Cousin</u>
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 10th May 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE QUANG MINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
RANG, NGUYEN THI	1 st Oct, 1925	Mother
VINH, LE THI QUANG	12 th Aug. 1962	Sister
KIM, LE THI QUANG	9 th May 1966	Sister

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

16/6 Quoc Lo 1, K.P 6, THITRAN ANLAC,
BINH CHANH, HO CHI MINH City, VIETNAM

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE QUANG MINH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : April 15 1950
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): Single Married (Co lap gia dinh): _____
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 16/6 Quoc Lo 1, K.P. 6, THI TRAM AN LOC
(Dia chi tai Viet-Nam) BINH CHANH, HO CHI MINH City, VIETNAM
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): June 1975 To (Den): Feb 1988
PLACE OF RE-EDUCATION: LONG THANH, THANH GYM THANH HOA, XUAN LOC LONG KHANH
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): Chief of Interior Security Service / PHU BON Province
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): N.A.
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): N.A.
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chief of Interior Security Service Date (nam): 1974-1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): No
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tie
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 16/6 Quoc Lo 1, K.P. 6,
THI TRAM AN LOC, BINH CHANH, HO CHI MINH City, VIETNAM
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONER ASSOCIATION
P.O. Box 5435, ARLINGTON, VA 22205 - 0635 (HO THA MONA (AM))
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): Yes No (Khong): _____
AUSTRALIAN CITIZEN
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Cousin
NAME & SIGNATURE: [Signature]
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT _____
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
DATE: 05 10 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE QUANG MINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
RANG, NGUYEN THI	1 st Oct 1925	Mother
VINH, LE THI QUANG	12 th Aug. 1962	Sister
KIM, LE THI QUANG	9 th May 1966	Sister

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

16/6 Quoc Lo 1, K.P. 6, THU TRAM AN LOC
BINH CHANH, HO CHI MINH City, VIETNAM

ADDITIONAL INFORMATION :

To : The Director of the Orderly Departure Program
Donjabhum Building 9th Floor
127 Sathorn Toidroad.
Bangkok 10120 - THAILAND

Subject : Petition for Immigrant in the U.S.A
under the O D P and REFUGEE.

Dear Sir,

I, undersigned, MINH, LE - QUANG

Date/Place of birth : Apr. 15.1950 MINH BINH Province

Residence Address : 16/6 quoc lo 1, P.P.6, Thị Trấn An-Lạc,
Binh Chánh, Ho Chi Minh City.

Mailing Address : HỒ - THỊ - MONG - LOAN

Current occupation : NO

A - BEFORE APR. 30.1975 :

1. EMPLOYMENT BY U.S.GOVERNMENT AGENCIES (MACV)

- 1967 : Student of Translator/Interpreter courses in C.T.I
(Central Training Institute)
- 1968 : Translator/Interpreter VOS-5/Translation Room/VN NAVY
Headquarter # 3 BACH DANG
- 1969 : Translator/Interpreter VOS-5/Translation Room/Regional
Forces/Popular Forces/Inspection Department/Joint
General Staff
- 1972 : Translator/Interpreter VOS-5/Translation Room/ M.I.C,
TO-HIEN-THANH Street.

2. SERVICE WITH GVN .

- 1969-1972 : Student of National Institute of Administration
- 1973-1974 : Deputy District Chief of PHU TUC District/PHU BON
Province.
- 1974-1975 : Chief of Interior Security Service/PHU BON prov.

B - AFTER APR. 30.1975

Duration of re-education and through camps.

- June 1975 - Nov.1976 : LONG - THANH Camp. 15/NV
- Nov. 1976 - Apr.1982 : THANH-CAM Camp. 90A/TD63/ THANH-CAM/
THANH-HOA
- Apr.1982 - Feb.1988 : XUAN-LOC Camp Z30A (GIA-BAY/XUAN-LOC/
LOAN-KHANH.

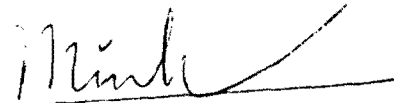
Released from XUAN-LOC camp Feb. 13.1988

Release - Certificate number 273/GRT

Based on the authority of your organization; and the spirit of the Humanitarian Act, and due to the difficulties of my situation and my family, I wish to ask for your assistance and intervention with VN authorities in order that I and my family would be authorized to leave VN under GEP and Refugee to immigrate in the U.S.A in the purpose of refugee and making a new life.

Your approval of my petition would be highly appreciated.

Respectfully Yours,



MINH, LE - QUANG

1. Name of Applicant: MINH, LE - QUANG
2. Date of Birth: 1945
3. Place of Birth: Hanoi, Vietnam
4. Present Address: 1234 Main St, New York, NY 10001
5. Date of Entry: 1975
6. Date of Departure: 1975
7. Date of Arrival: 1975
8. Date of Departure: 1975
9. Date of Arrival: 1975
10. Date of Departure: 1975
11. Date of Arrival: 1975
12. Date of Departure: 1975
13. Date of Arrival: 1975
14. Date of Departure: 1975
15. Date of Arrival: 1975
16. Date of Departure: 1975
17. Date of Arrival: 1975
18. Date of Departure: 1975
19. Date of Arrival: 1975
20. Date of Departure: 1975
21. Date of Arrival: 1975
22. Date of Departure: 1975
23. Date of Arrival: 1975
24. Date of Departure: 1975
25. Date of Arrival: 1975
26. Date of Departure: 1975
27. Date of Arrival: 1975
28. Date of Departure: 1975
29. Date of Arrival: 1975
30. Date of Departure: 1975
31. Date of Arrival: 1975
32. Date of Departure: 1975
33. Date of Arrival: 1975
34. Date of Departure: 1975
35. Date of Arrival: 1975
36. Date of Departure: 1975
37. Date of Arrival: 1975
38. Date of Departure: 1975
39. Date of Arrival: 1975
40. Date of Departure: 1975
41. Date of Arrival: 1975
42. Date of Departure: 1975
43. Date of Arrival: 1975
44. Date of Departure: 1975
45. Date of Arrival: 1975
46. Date of Departure: 1975
47. Date of Arrival: 1975
48. Date of Departure: 1975
49. Date of Arrival: 1975
50. Date of Departure: 1975
51. Date of Arrival: 1975
52. Date of Departure: 1975
53. Date of Arrival: 1975
54. Date of Departure: 1975
55. Date of Arrival: 1975
56. Date of Departure: 1975
57. Date of Arrival: 1975
58. Date of Departure: 1975
59. Date of Arrival: 1975
60. Date of Departure: 1975
61. Date of Arrival: 1975
62. Date of Departure: 1975
63. Date of Arrival: 1975
64. Date of Departure: 1975
65. Date of Arrival: 1975
66. Date of Departure: 1975
67. Date of Arrival: 1975
68. Date of Departure: 1975
69. Date of Arrival: 1975
70. Date of Departure: 1975
71. Date of Arrival: 1975
72. Date of Departure: 1975
73. Date of Arrival: 1975
74. Date of Departure: 1975
75. Date of Arrival: 1975
76. Date of Departure: 1975
77. Date of Arrival: 1975
78. Date of Departure: 1975
79. Date of Arrival: 1975
80. Date of Departure: 1975
81. Date of Arrival: 1975
82. Date of Departure: 1975
83. Date of Arrival: 1975
84. Date of Departure: 1975
85. Date of Arrival: 1975
86. Date of Departure: 1975
87. Date of Arrival: 1975
88. Date of Departure: 1975
89. Date of Arrival: 1975
90. Date of Departure: 1975
91. Date of Arrival: 1975
92. Date of Departure: 1975
93. Date of Arrival: 1975
94. Date of Departure: 1975
95. Date of Arrival: 1975
96. Date of Departure: 1975
97. Date of Arrival: 1975
98. Date of Departure: 1975
99. Date of Arrival: 1975
100. Date of Departure: 1975

RECEIVED BY U.S. GOVERNMENT

1. Name of Applicant: MINH, LE - QUANG
2. Date of Birth: 1945
3. Place of Birth: Hanoi, Vietnam
4. Present Address: 1234 Main St, New York, NY 10001
5. Date of Entry: 1975
6. Date of Departure: 1975
7. Date of Arrival: 1975
8. Date of Departure: 1975
9. Date of Arrival: 1975
10. Date of Departure: 1975
11. Date of Arrival: 1975
12. Date of Departure: 1975
13. Date of Arrival: 1975
14. Date of Departure: 1975
15. Date of Arrival: 1975
16. Date of Departure: 1975
17. Date of Arrival: 1975
18. Date of Departure: 1975
19. Date of Arrival: 1975
20. Date of Departure: 1975
21. Date of Arrival: 1975
22. Date of Departure: 1975
23. Date of Arrival: 1975
24. Date of Departure: 1975
25. Date of Arrival: 1975
26. Date of Departure: 1975
27. Date of Arrival: 1975
28. Date of Departure: 1975
29. Date of Arrival: 1975
30. Date of Departure: 1975
31. Date of Arrival: 1975
32. Date of Departure: 1975
33. Date of Arrival: 1975
34. Date of Departure: 1975
35. Date of Arrival: 1975
36. Date of Departure: 1975
37. Date of Arrival: 1975
38. Date of Departure: 1975
39. Date of Arrival: 1975
40. Date of Departure: 1975
41. Date of Arrival: 1975
42. Date of Departure: 1975
43. Date of Arrival: 1975
44. Date of Departure: 1975
45. Date of Arrival: 1975
46. Date of Departure: 1975
47. Date of Arrival: 1975
48. Date of Departure: 1975
49. Date of Arrival: 1975
50. Date of Departure: 1975
51. Date of Arrival: 1975
52. Date of Departure: 1975
53. Date of Arrival: 1975
54. Date of Departure: 1975
55. Date of Arrival: 1975
56. Date of Departure: 1975
57. Date of Arrival: 1975
58. Date of Departure: 1975
59. Date of Arrival: 1975
60. Date of Departure: 1975
61. Date of Arrival: 1975
62. Date of Departure: 1975
63. Date of Arrival: 1975
64. Date of Departure: 1975
65. Date of Arrival: 1975
66. Date of Departure: 1975
67. Date of Arrival: 1975
68. Date of Departure: 1975
69. Date of Arrival: 1975
70. Date of Departure: 1975
71. Date of Arrival: 1975
72. Date of Departure: 1975
73. Date of Arrival: 1975
74. Date of Departure: 1975
75. Date of Arrival: 1975
76. Date of Departure: 1975
77. Date of Arrival: 1975
78. Date of Departure: 1975
79. Date of Arrival: 1975
80. Date of Departure: 1975
81. Date of Arrival: 1975
82. Date of Departure: 1975
83. Date of Arrival: 1975
84. Date of Departure: 1975
85. Date of Arrival: 1975
86. Date of Departure: 1975
87. Date of Arrival: 1975
88. Date of Departure: 1975
89. Date of Arrival: 1975
90. Date of Departure: 1975
91. Date of Arrival: 1975
92. Date of Departure: 1975
93. Date of Arrival: 1975
94. Date of Departure: 1975
95. Date of Arrival: 1975
96. Date of Departure: 1975
97. Date of Arrival: 1975
98. Date of Departure: 1975
99. Date of Arrival: 1975
100. Date of Departure: 1975

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Apr. 5. 1988

A. BASIC IDENTIFICATION DATA :

1. Name : MINH, LE - QUANG
2. Other name : NO
3. Date/Place of birth : Apr. 15.1950 Ninh Binh Province
4. Residence Address : 16/6 Quoc Lo 1, K.P.6, Thị Trấn An Lạc,
Binh Chánh, Ho Chi Minh City.
5. Mailing Address : HO-THI-MONG LEAN
6. Current Occupation : NO

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

I am now still single I would like to ask the permission for my mother and two younger sisters to accompany me.

	NAME	DOB	POB	Sex	MS	Relationship
1.	RANG, NGUYEN-THI	Oct.1.1925	Ninh Binh	F	W	Mother
2.	VINH, LE-THI-QUANG	Aug.12.1962	Gia-Dinh	F	S	sister
3.	KIM, LE-THI-QUANG	May.9.1966	Gia-Dinh	F	S	sister

C. RELATIVES OUTSIDE VN

- 1- Closet Relative in the U.S.A.
 - a- Name : PHUONG, VU-VAN
 - b- Relationship :
 - c- Address :
- 2- Closet relative in other foreign countries
 - a- Name : LOAN, HO-THI-MONG
 - b- Relationship :
 - c- Address :

D. COMPLETE FAMILY LISTING

- 1- Father : TINH, LE-QUANG (D)
- 2- Mother : RANG, NGUYEN-THI (L)
- 3- Spouse : NO
- 4- Children: NO
- 5- Siblings:
 1. VINH, LE-THI-QUANG (L)
 2. KIM, LE-THI-QUANG (L)

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES.

1. Name of employee : MINH, LE-QUANG
Agency : MACV
Section/Division/Office : M.I.W
Last position : Translator/Interpreter
Last grade : VGS-5

Duration of employment : in the year of 1972

Place : M.I.C TO-HIEN-THANH Street. Name of supervisor : Lt. HANSEN
Reason for separation : for education.

- Section/Division/Office : Regional Forces/Popular Forces/Inspection
Department

Previous position : Translator/Interpreter Previous grade : VGS-5

Duration of employment : in the year of 1969

Place Joint General Staff : Name of supervisor : I Forget

Reason for separation : for education

- Section/Division/Office : VN NAVY Headquarter

Previous position : Translator/Interpreter. Previous grade : VGS-5

Duration of employment : in the year of 1968

Place : VN Navy Headquarter # 3 BACH-DANG, Name of supervisor :

Capt. DUNCAN, Senior Advisor.

Reason for separation : for education.

F. SERVICE WITH GVN

1. Name of person serving : MINH, LE-QUANG

2. Date : from 1969 - to 1975

3. Last position : Chief of Interior Security Service/PHU-BON Province

4. Ministry/Office/Military Unit

1969-1972 : Student of National Institute of Administration (NIA)

1973-1974 : Deputy District Chief of PHU-TUC District/PHU-BON Prov.

1974-1975 : Chief in Interior Security Service/PHU-BON Province

5. Name of Supervisor

1969-1972 : Prof. BONG, NGUYEN-WAN, and Prof. TRI, NGUYEN-QUOC

1973-1974 : Maj. MAI, BUI-QUAN (SIU-BROAI, Mountainer), District Chief
of PHU-TUC District/ PHU-BON Province.

1974-1975 : Lt. Col. BAO, LO-VAN, mountainer, PHU-BON Province Chief,

6. Reason for separation : for Political Event in Apr. 30. 1975

7. Name of American Advisor : NO

8. U.S Training in VN : NO

9. U.S awards or Certificates : NO

G. TRAINING OUTSIDE VN : NO

H. RE-EDUCATION :

1. Name of person in re-education : MINH, LE-QUANG

2. Time in re-education : Jun 18. 1975 - Feb. 13. 1988 (twelve years and
eight months)

3. Still in Re-education : NO

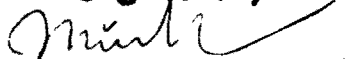
I. ADDITIONAL REMARKS

1. All my documents and certificates concerning to section E and F were
all destroyed.

2. I did not remember exact dates, months of my service with GVN and
employment by U.S Government Agencies. The name of the above mentioned
American Supervisors may be wrong spelt.

Signature,

Date, Apr. 5. 1988



MINH, LE-QUANG

J. Attached documents

1. One photocopy of my Release-Certificate

2. One Photocopy of my Birth-Certificate.

BỘ NỘI VỤ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trại XUAN LOU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 272 CRT

Mẫu số 001-QT.TG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 1 5 7 6 1 0 8 3 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 63/QĐ ngày 04 tháng 02 năm 1988

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ - QUANG - MINH Sinh năm 19 50

Các tên gọi khác

Nơi sinh Ninh Bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

I6/6 Ấp 6 An lạc . Bìnhchánh . TP/ HỒ CHÍ MINH

Can tội Trường ty nội an

Bị bắt ngày 18-6-1975

An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại I6/6 Quốc lộ 4. Ấp 6 an lạc. Bìnhchánh . TP/HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

- Trong cải tạo có nhiều cố gắng hoàn thành công việc giao
nội quy chấp hành nghiêm .

Hương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 23 tháng 02 năm 1988

Làm tay ngôn từ phải

Của LÊ QUANG MINH

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Minh

Lê quang Minh .

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

Giám thị

Thuan Lam

Thiếu tá : NGUYỄN THANH TÂM

XÁC NHẬN

Ban y ban

THÀNH TÊN

Carat

Bộ

Kính thưa
Đường và Hồ Chí Minh
Chào mừng



Nguyễn Văn Tập

Đã được kiểm tra và chấp thuận

Đã được kiểm tra và chấp thuận

Đã được kiểm tra và chấp thuận



Australia 10/05/89

Kính gửi bà Marie Minh Thù
chân thành cảm ơn đã để trả lời cho tôi,
đồng thời tôi đã diện đến và gọi lý lịch
của anh để quay hình gọi đến cho bà,
nếu trong hồ sơ và trong đơn diện có điều
gì sai trái thì xin bà sửa
đổi và sẵn lòng trả trả lại cho bà

Kính Thù



Huơng Lam.

CONTROL

Card
I Doc. Request; Form 07/22/89
- Release Cruev
Computer
- Form "D"
- ODP/Date _____
Membership; Letter